

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân kỳ họp thứ 6, HĐND xã khóa I quyết định)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm	DỰ TOÁN
A	B	1	A	B	1	2
	TỔNG SỐ THU	314,828		TỔNG SỐ CHI	314,828	
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	4,950	I	Chi đầu tư phát triển	57,840	
II	Các khoản thu phân theo tỷ lệ	84,742	II	Chi thường xuyên	250,815	
III	Thu bổ sung	225,136	III	Dự phòng ngân sách	6,173	
	- Thu bổ sung cân đối	224,056				
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1,080				
IV	Thu chuyển nguồn					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân kỳ họp thứ 6, HĐND xã khóa I quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	436,976.0	314,828.0
I	Các khoản thu 100%	2,300.0	1,900.0
	Thu phí, lệ phí	200.0	200.0
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1,600.0	1,600.0
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản xác lập quyền sử hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	500.0	100.0
II	Các khoản thu phân chi theo tỷ lệ phần trăm (%)	209,540.0	87,792.0
1	Các khoản thu phân chia	17,050.0	10,050.0
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1,050.0	1,050.0
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình</i>		
-	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>		
-	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	16,000.0	9,000.0
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	192,490.0	77,742.0
-	<i>Thu từ khu vực ngoài quốc doanh</i>	33,900.0	18,306.0
-	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	-	-
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	154,600.0	57,840.0
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	3,990.0	1,596.0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu từ ngân sách cấp trên	225,136.0	225,136.0
1	- Thu bổ sung cân đối	224,056.0	224,056.0
2	- Thu bổ sung có mục tiêu	1,080.0	1,080.0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân kỳ họp thứ 6, HĐND xã khóa I quyết định)*

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	314,828.00	57,840.00	256,988.00
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	147,459.0	2,500.0	144,959.0
2	Chi khoa học và công nghệ	390.0		390.0
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5,535.0		5,535.0
4	Chi văn hóa thông tin	7,538.0	1,500.0	6,038.0
5	Chi phát thanh, truyền hình	420.0		420.0
6	Chi thể dục thể thao	475.0		475.0
7	Chi bảo vệ môi trường	2,203.0	600.0	1,603.0
8	Chi hoạt động kinh tế	65,050.0	53,240.0	11,810.0
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	32,294.0		32,294.0
10	Chi đảm bảo xã hội	40,343.0		40,343.0
11	An ninh	2,628.0		2,628.0
12	Quốc phòng	3,072.0		3,072.0
13	Chi khác NS	1,248.0		1,248.0
14	Dự phòng ngân sách	6,173.0		6,173.0

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân kỳ họp thứ 6, HĐND xã khóa I quyết định)

Đơn vị tính : 1.000 đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí hết năm 2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	
1	2		3	4	5=3-4	6=7+8	7	8	9
	TỔNG CỘNG		114,698,064	21,548,064	93,150,000	57,840,000	0	57,840,000	
	Kế hoạch giao		114,698,064	21,548,064	93,150,000	57,840,000	0	57,840,000	
	Cân đối thừa thiếu						0	0	
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang		61,048,064	21,548,064	39,500,000	29,450,000	0	29,450,000	
1	Nâng cấp, cải tạo đường xã đoạn từ đường tỉnh 392B thôn La Ngoại đi thôn Nại Trì		19,600,000	5,600,000	14,000,000	10,200,000		10,200,000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đi cầu Phú Xá, đường trục Đông Tây; Đoạn từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đến trạm bơm Phạm Khê, xã Thanh Miện		18,900,000	5,200,000	13,700,000	10,250,000		10,250,000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn La Ngoại, xã Thanh Miện		6,100,000	1,900,000	4,200,000	3,000,000		3,000,000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn An Lạc, xã Thanh Miện		6,300,000	1,800,000	4,500,000	3,500,000		3,500,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí hết năm 2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	
1	2		3	4	5=3-4	6=7+8	7	8	9
5	Sân, vườn cỏ tích, nhà tập thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Thanh Miện (cơ sở 1)		10,148,064	7,048,064	3,100,000	2,500,000		2,500,000	
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		53,650,000	0	53,650,000	28,390,000	0	28,390,000	
A	Lĩnh vực giao thông		18,000,000	0	18,000,000	5,400,000	0	5,400,000	
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn từ ngã tư Neo đi ngã tư cầu Phí Xá		18,000,000		18,000,000	5,400,000		5,400,000	
C	Lĩnh vực môi trường		2,000,000	0	2,000,000	600,000	0	600,000	
1	Cải tạo, mở rộng bãi rác Phạm Khê (tập trung cho các thôn của địa bàn Cao Thăng cũ)		1,000,000	-	1,000,000	300,000		300,000	
2	Cải tạo, mở rộng bãi rác thôn Phù Nội (tập trung cho các thôn của địa bàn Hùng Sơn cũ)		1,000,000	-	1,000,000	300,000		300,000	
D	Lĩnh vực Thủy lợi		2,000,000	0	2,000,000	490,000	0	490,000	
1	Xây mới cầu Đồng Ban, thôn Gia Cốc		2,000,000	-	2,000,000	490,000		490,000	
E	Lĩnh vực thiết chế Văn hóa - Y tế		5,000,000	0	5,000,000	1,500,000	0	1,500,000	
1	Cải tạo khuôn viên trường Mầm non thị trấn Thanh Miện (cũ) thành công viên cây xanh		5,000,000		5,000,000	1,500,000		1,500,000	
F	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		26,650,000	0	26,650,000	20,400,000	0	20,400,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí hết năm 2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	
1	2		3	4	5=3-4	6=7+8	7	8	9
1	Điểm dân cư mới thôn Bằng Bộ (khu Sau Hàng)		15,000,000		15,000,000	15,000,000		15,000,000	
2	Điểm dân cư mới thôn Cự Trì		6,000,000		6,000,000	3,200,000		3,200,000	
3	Điểm dân cư mới phía sau UBND xã Cao Thắng (cũ);		1,000,000		1,000,000	300,000		300,000	
4	Lập quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết các Trường, Trạm y tế		2,650,000		2,650,000	900,000		900,000	
5	Cải tạo, nâng cấp chợ Cốc, thôn Gia Cốc		2,000,000		2,000,000	1,000,000		1,000,000	

